

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 23 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Hạnh, bà Vì Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2023/TLST - HS ngày 19/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST - HS ngày 12/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Mùa A G** - Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2000 tại huyện C, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mùa A S (đã chết) và bà Vừ Thị D – Sinh năm 1961; Vợ là Vừ Thị Ch - Sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan nào xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/10/2023 đến nay. Bị cáo mặt.

2. Họ và tên: **Vừ Thị Ch** - Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1995 tại huyện C, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vừ Gà Ch - Sinh năm 1972 và bà Giàng Thị M - Sinh năm 1974; Chồng là Mùa A G - Sinh năm 2000 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan nào xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/10/2023 đến nay. Bị cáo mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: ông Giàng A T - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã S, huyện

C tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo ủy quyền: ông Sùng A Kh - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã S, huyện C tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Cộng đồng dân cư thôn P, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên. Đại diện theo pháp luật là ông Vừ A Th - Sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên - trưởng thôn. Vắng mặt.

+ anh Mùa A C - Sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* ông Giàng A D – Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích để có đất sản xuất, vào cuối tháng 02/2023 bị cáo Mùa A G rủ vợ là Vừ Thị Ch mang theo 02 con dao phát (dao quắm) đi từ nhà lên mảnh nương cũ của gia đình đã nhiều năm bỏ hoang không làm, hiện cây đã mọc thành rừng thuộc địa phận thôn P, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên. Đến nơi hai bị cáo dùng dao chặt, phát các loại cây gỗ, cây bụi nhỏ, còn cây to bị cáo G mượn máy cưa của Hạng A C đang phát đất nương cạnh đất bị cáo G để cắt hạ, bị cáo G và Ch phát mảnh nương trong thời gian 07 ngày thì phát xong.

Đến ngày 19/3/2023 ông Vừ A Th là trưởng thôn P đi tuần tra rừng phát hiện sự việc các bị cáo phá rừng làm nương nên đã báo cơ quan Kiểm lâm huyện để xem xét, giải quyết.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường ngày 20/3/2023 do Hạt kiểm lâm huyện phối hợp với các cơ quan liên quan đã xác định được diện tích rừng bị phá là 5.827m², số cây bị chặt phá là 420 cây, khối lượng gỗ thiệt hại là 3,962 m³ (gồm các nhóm gỗ V, VIII), củi tận thu là 5,687 ster; Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/3/2023 xem xét vị trí, sử dụng máy định vị GPS xác định tọa độ và đối chiếu bản đồ giao đất giao rừng, quyết định giao đất giao rừng, trích lục bản đồ địa chính xã S, xác định khu vực rừng do bị cáo Mùa A G và Vừ Thị Ch chặt phá thuộc tiểu khu 539, khoảnh 7, lô 2 đã được quy hoạch rừng phòng hộ theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, Quyết định số 2837/QĐ - UBND ngày 06/11/2015 của UBND huyện C về giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng thôn P, xã S, huyện C quản lý, bảo vệ từ năm 2015 và hàng năm đều chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 con dao phát (dao quắm) bằng kim loại, lưỡi dao sắc, mũi dao bị gãy, chuôi bằng gỗ tròn, dao có tổng kích thước 72 cm.

- 01 con dao phát (dao quắm) bằng kim loại, lưỡi dao sắc, chuôi bằng gỗ tròn, dao có tổng kích thước 62 cm.

- Đối với chiếc máy cưa bị cáo G mượn của Mùa A C dùng cắt hạ những cây to, cơ quan điều tra đã thu giữ trong vụ án khác.

- Đối với số cây gỗ bị chặt phá Cơ quan điều tra đã bàn giao cho UBND xã S quản lý tại rừng.

Tại bản kết luận giám định số: 71/KL - GD ngày 30/9/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận: Diện tích bị chặt phá là 5.827m², nằm trong tiểu khu 539, khoảnh 7, lô 2 là rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng thôn P, xã S quản lý, bảo vệ.

Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 11/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Giá thị trường tại thời điểm tháng 02/2023 của 5.827 m² rừng phòng hộ tại tiểu khu 539, khoảnh 7, lô 2 là: gỗ nhóm V, VIII có giá trị 3,962m³ x 300.000đồng/m³ = 1.188.600 đồng; củi tận thu là 5,687ster x 100.000đồng/ster = 568.700 đồng; Tổng giá trị thiệt hại về gỗ và củi tận thu là 1.757.300 đồng; Không xác định được giá trị thiệt hại về tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và thiệt hại về tác động môi trường rừng.

Nguyên đơn dân sự UBND xã S yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nhà nước theo kết luận định giá tài sản là 1.757.300 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phá rừng của mình, mục đích các bị cáo phá rừng là muốn có đất để trồng ngô, do là nương cũ của gia đình và không biết khu vực chặt phá làm nương là rừng phòng hộ. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường 1.757.300 đồng theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mùa A C có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về việc cho bị cáo G mượn máy cưa cắt hạ những cây to tại mảnh nương do các bị cáo G và Ch chặt phá, không biết diện tích nương đã được quy hoạch vào rừng phòng hộ.

Tại cơ quan điều tra, đại diện cộng đồng dân cư thôn P, xã S ông Vừ A Th (trưởng thôn) khai: Diện tích đất rừng do Mùa A G và Vừ Thị Ch phá trái phép là rừng phòng hộ được UBND huyện C giao cho cộng đồng thôn quản lý từ năm 2015, cộng đồng dân cư thôn đều được tham gia họp thôn, tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng và hàng năm được chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Cáo trạng số 01/CT-VKSHTC ngày 18/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa đã truy tố các bị cáo Mùa A G, Vừ Thị Ch về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mùa A G từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Hủy hoại rừng".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b,s,n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vừ Thị Ch từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Ch và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về dân sự: Đề nghị công nhận các bị cáo Mùa A G và Vừ Thị Ch đã bồi thường xong số tiền gây thiệt hại về rừng cho nhà nước.

- Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 con dao phát thu giữ của các bị cáo và đề nghị miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn dân sự chấp nhận việc bồi thường của các bị cáo, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cộng đồng dân cư thôn P, xã S, đại diện là ông Vừ A Th. Xét thấy người vắng mặt đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi dùng dao, máy cưa chặt, phá cây rừng với mục đích để có đất làm nông nghiệp; Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án như: Biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, kết quả xác định khối lượng, nhóm gỗ, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định loại rừng, bản đồ quy hoạch rừng, bản đồ giao đất, giao rừng, Quyết định giao đất, giao rừng, Quyết định công bố hiện trạng rừng huyện Tủa Chùa, danh sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng...

Có đủ cơ sở kết luận, vì muốn có đất để làm nương nên vào tháng 02/2023 các bị cáo dùng máy cưa, dao phát để phá rừng trái phép tại tiểu khu 539, khoảnh 7, lô 2 là khu vực rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng thôn P, xã S quản lý, bảo vệ; Diện tích bị chặt phá là 5.827m², gây thiệt hại 420 cây gỗ thuộc các nhóm V, VIII có khối lượng 3,962 m³ gỗ và củi tận thu 5,687ster, tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại theo định giá tài sản là 1.757.300 đồng.

Xét tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo G là người khởi xướng, bị cáo Ch tham gia không đáng kể chỉ dùng dao phát những cây bụi nhỏ, nên cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo G cao hơn bị cáo Ch.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý chặt phá rừng phòng hộ với diện tích 5.827 m², hành vi phá rừng trái pháp luật của các bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của

Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 1.757.300 đồng để bồi thường toàn bộ thiệt hại, do đó cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, nguyên đơn dân sự UBND xã S cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo phạm tội do hiểu biết pháp luật hạn chế và không biết diện tích đất trên đã được quy hoạch vào đất rừng phòng hộ từ năm 2015, nên cần xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và do kém hiểu biết pháp luật.

Bị cáo G có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51, do đó Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Vừ Thị Ch cung cấp phiếu siêu âm thai nhi ngày 23/01/2024 của Trung tâm y tế huyện C kết luận bị cáo đang mang thai 03 tháng, do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội là phụ nữ có thai" theo điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật.

[4] Về khấu trừ một phần thu nhập và hình phạt bổ sung:

Xét thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn, làm ruộng nương, điều kiện kinh tế không có, thu nhập không ổn định theo biên bản xác minh của Cơ quan điều tra, các bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát miễn khấu trừ một phần thu nhập theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ch và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã giao nộp số tiền 1.757.300 đồng cho cơ quan Thi hành án dân sự để bồi thường cho nhà nước theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đồng ý và không có yêu cầu gì thêm, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận các bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 02 con dao phát là công cụ phạm tội, là vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với máy cưa do bị cáo G mượn của Mùa A C sử dụng cắt hạ những cây to, cơ quan điều tra đã thu giữ để giải quyết trong vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, xử lý.

Đối với các cây gỗ tạp các bị cáo chặt phá thuộc các nhóm gỗ V, VIII hiện đang giữ nguyên trên diện tích rừng bị chặt phá do UBND xã S đang quản lý, xét các cây gỗ chưa có giá trị để sử dụng làm gỗ thương mại nên cần để lại tại đám nương cho tự hủy hoại để bồi bổ đất, tái sinh rừng.

[7] Về án phí:

Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí cho các bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Kiến nghị:

Qua các vụ án về tội hủy hoại rừng đã xét xử thấy rằng: nhiều hộ dân tại các thôn, bản trên địa bàn huyện vẫn chưa nắm rõ các vị trí, khu vực được quy hoạch vào rừng phòng hộ, Hội đồng xét xử kiến nghị UBND huyện chỉ đạo UBND các xã và Hạt kiểm lâm huyện tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ rừng, nhất là triển khai, thông báo các khu vực mới được quy hoạch vào diện tích rừng để người dân nắm rõ; Đồng thời, xem xét lắp đặt các biển báo hiệu ranh giới khu vực thuộc đất rừng để người dân biết và phân biệt được giữa các khu vực đã được quy hoạch rừng và khu vực đất nông nghiệp sử dụng làm nương để phòng tránh vi phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Mùa A G phạm tội " Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Mùa A G 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án

1.2. Bị cáo Vừ Thị Ch phạm tội "Huỷ hoại rừng".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b,s,n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vừ Thị Ch 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

- Giao cho UBND xã S và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo Vừ Thị Ch trong thời gian cải tạo không giam giữ; Miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo Vừ Thị Ch.

Trong trường hợp người được hưởng án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và cấm xuất cảnh đối với bị cáo Vừ Thị Ch.

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

Công nhận các bị cáo Mùa A G và Vừ Thị Ch đã bồi thường xong toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước 1.757.300 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm đồng*).

Số tiền trên Chi cục thi hành án dân sự đang quản lý theo biên lai thu tiền số 0001911 ngày 15/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C..

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 02 con dao phát thu giữ của các bị cáo được niêm phong trong bao tải xác rắn màu cam.

Các vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

5. Kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án; Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo Bản án về phần bồi thường thiệt hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tủa Chùa;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện Tủa Chùa;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tủa Chùa;
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện Tủa Chùa;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan